

Số: /QĐ-UBND

Lục Nam, ngày tháng 7 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị của Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Minh tại Văn bản số 0723/CV-NVM ngày 17/07/2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho dự án “Nhà máy gạch Tuynel Minh Trang” kèm theo báo cáo đề xuất cấp Giấy phép của cơ sở đã chỉnh sửa bổ sung;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 509/TTr-TNMT ngày 20/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho hộ kinh doanh Nguyễn Văn Minh, sinh năm 1958, địa chỉ: Số nhà 88 Chi Ly, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động Bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy gạch Tuynel Minh Trang” tại Khu Va, thôn Nghè 1, xã Tiên Nha, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: “Nhà máy gạch Tuynel Minh Trang”

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu Va, thôn Nghè 1, xã Tiên Nha, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 20H003174 đăng ký lần đầu ngày 10/4/2009 do UBND huyện Lục Nam cấp.

1.4. Mã số thuế: 20H003174

1.5. Loại hình sản xuất: Sản xuất gạch Tuynel.

1.6. Quy mô, công suất của dự án: 20 triệu viên/năm.

- Quy mô: Dự án nhóm C (*phân loại theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đầu tư công*).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về quản lý chất thải phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Minh được cấp Giấy phép môi trường:

1. Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Minh có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Minh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời đến UBND huyện Lục Nam, UBND xã Tiên Nha nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND huyện Lục Nam.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười năm) kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành từ ngày ký (*theo quy định tại điểm c, khoản 4 điều 40 Luật bảo vệ môi trường năm 2020*).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Đội Quản lý trật tự Giao thông Xây dựng và Môi trường huyện, UBND xã Tiên Nha, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà máy gạch Tuynel Minh Trang” tại Khu Va, thôn Nghè 1, xã Tiên Nha, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang của Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Minh được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5 (t/h);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND huyện Hoàng Văn Toán;
- Phòng TN và MT, Đội QLTT GTXD và MT;
- UBND xã Tiên Nha;
- LĐVP, CVTNMT;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Toán

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /QĐ-UBND ngày /7/2023 của UBND huyện Lục Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Gồm 1 nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại cơ sở.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

01 dòng nước thải sau khi xử lý ở hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 8 m³/ngày trước khi chảy ra hồ điều hòa cạnh dự án sau đó thoát ra mương thoát nước của khu vực thuộc thôn Nghè 1, xã Tiên Nha, huyện Lục Nam do UBND xã Tiên Nha quản lý.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ điều hòa cạnh dự án sau đó thoát ra mương thoát nước của khu vực thuộc thôn Nghè, xã Tiên Nha, huyện Lục Nam.

2.2. Vị trí xả nước thải: Hồ điều hòa cạnh dự án thuộc địa phận thôn Nghè, xã Tiên Nha, huyện Lục Nam.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiếu 3⁰): X = 2358806,581; Y = 440301,282

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất 8 m³/ngày.đêm, tương đương khoảng 0,33m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Xả tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước: Xả nước thải liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải trước khi chảy ra hồ điều hòa cạnh dự án sau đó thoát ra mương thoát nước bên ngoài đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

| TT | Thông số | ĐVT | Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) | Tần suất quan trắc định kỳ |
|----|-------------------------|------|---|----------------------------|
| 1 | pH | - | 5,5 ÷ 9 | Dự án không |
| 2 | BOD ₅ (20°C) | mg/L | 50 | |
| 3 | Tổng chất rắn hòa tan | mg/L | 1.000 | |
| 4 | Tổng chất rắn lơ lửng | mg/L | 100 | |

| | | | | |
|----|--|--------------------|-------|---|
| | (TSS) | | | thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ theo khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. |
| 5 | Nitrat (NO ₃ ⁻) | mg/L | 50 | |
| 6 | Dầu mỡ động, thực vật | mg/L | 20 | |
| 7 | Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) | mg/L | 10 | |
| 8 | Sunfua (tính theo H ₂ S) | mg/L | 4 | |
| 9 | Tổng các chất hoạt động bề mặt | mg/L | 10 | |
| 10 | Amoni | mg/L | 10 | |
| 11 | Tổng Coliforms | Vi khuẩn/ 100mL | 5.000 | |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa chảy tràn, nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Mạng lưới thu gom nước mưa chảy tràn: Là các công thoát nước B400 được xây dựng xung quanh các nhà xưởng với tổng chiều dài khoảng 729,89m. Dọc các công xây dựng các hố ga có kích thước 1,2×1,2×1m với khoảng cách từ 30 – 50m xây dựng 01 hố ga để thu gom, lắng các chất rắn lơ lửng. Nước mưa sau khi thu gom chảy ra Hồ điều hòa nằm ở phía Tây cạnh dự án qua 01 điểm xả thải sau đó thoát ra mương thoát nước của khu vực thuộc địa phận thôn Nghè, xã Tiên Nha, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Mạng lưới thu gom nước thải: Nước thải từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại, bể tách dầu mỡ sau đó đưa vào ống thoát nước thải HDPE D200 với tổng chiều dài khoảng 15 m đảm bảo tiêu thoát nước về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung với công suất 8 m³/ngày đêm.

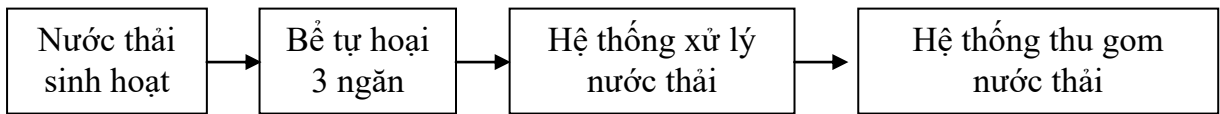
1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 8m³/ngày đêm trước khi đầu nối ra hồ điều hòa cạnh dự án của khu vực bằng ống HDPE D200 dài khoảng 15m bởi 1 điểm xả.

+ Dự án xây dựng ống HDPE D200 dài khoảng 15m, độ dốc i=0,33%. Nước thải được dẫn về trạm xử lý nước thải công suất 8m³/ngày.đêm.

- + Dự án xây dựng 01 Bể tự hoại 3 ngăn thể tích 15 m³ ở khu vực xưởng.
- + Dưới đây là sơ đồ quy trình thu gom, thoát nước thải sinh hoạt của dự án:



+ Nước thải sau bể tự hoại sẽ được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 8m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi thoát vào hồ điều hòa cạnh dự án.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học.
- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải: 8 m³/ngày/đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng:
 - + Men vi sinh BI EM N1: 05 kg/tháng;
 - + Mật rỉ đường: 10 kg/tháng.
 - + Clorin dạng viên: 02 kg/tháng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.3.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Hằng ngày tiến hành kiểm tra, kiểm soát định kỳ hệ thống.
- Lắp đặt các bơm nước thải hoạt động luân phiên, trong trường hợp hỏng bơm thì hệ thống vẫn hoạt động bình thường không bị gián đoạn.
- Trang bị đầy đủ trang thiết bị, bảo hộ lao động cho công nhân vận hành hệ thống.
- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.
- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất, không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.
- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.
- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.
- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

1.3.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất hệ thống xử lý hay sự cố kỹ thuật khác:

+ Phải dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục.

+ Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của trạm và phải dừng hoạt động của hệ thống.

- Sự cố nước thải xử lý không đạt quy chuẩn: Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh và đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch giám sát hệ thống xử lý nước thải

Kế hoạch quan trắc nước thải giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải:

| TT | Vị trí giám sát | Thông số giám sát | Tần suất giám sát | Quy chuẩn so sánh |
|----|---------------------------------------|---|--|-----------------------------|
| 1 | 01 vị trí tại bể gom nước thải | pH, BOD ₅ , tổng chất rắn lơ lửng, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, | 1 ngày/lần, quan trắc trong 1 ngày. Thời gian dự kiến: 13/3/2024 | QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột B) |
| 2 | 01 vị trí tại hồ ga lấy mẫu nước thải | Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, Tổng Coliforms. | 1 ngày/lần, quan trắc trong 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: 13/3/2024 - Lần 2: 14/3/2024 - Lần 3: 15/3/2024 | QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột B) |

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối vào hồ điều hòa cạnh dự án. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng Tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND huyện Lục Nam, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện để kịp thời xử lý./.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /QĐ-UBND ngày /7/2023 của UBND huyện Lục Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Gồm 01 nguồn khí thải phát sinh từ công đoạn đốt than tạo nhiệt để nung sản phẩm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải trước khi thải ra môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải X=2354892; Y=419642 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107° , múi chiếu 3^0).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 55.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

| TT | Chất ô nhiễm | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B) | Tần suất quan trắc định kì |
|----|-----------------|--------------------|---|----------------------------|
| 1 | Bụi tổng | mg/Nm ³ | 200 | 06 tháng/1 lần |
| 2 | NO _x | mg/Nm ³ | 850 | |
| 3 | SO ₂ | mg/Nm ³ | 500 | |
| 4 | CO | mg/Nm ³ | 1.000 | |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Đường ống dẫn khói: Ống khói hút ẩm có tổng chiều dài 112m, được chế tạo từ vật liệu bảo ôn chống ăn mòn; Ống khói nhánh hút ẩm gồm có 26 đường ống khói phụ trợ, toàn bộ được chế tạo từ vật liệu thép không gỉ chống ăn mòn, bên ngoài được bọc lớp bảo ôn; Ống khói nhánh hút nhiệt bao gồm 12 bộ đường ống nhánh hút nhiệt ra ngoài, được làm bằng thép không gỉ chống ăn mòn, bên

ngoài bọc lớp bảo ôn 10mm; Đường ống khói tận dụng nhiệt lượng dư có tổng chiều dài 45m, làm từ vật liệu thép không gỉ và vật liệu bảo ôn.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý khí thải như sau: Khí thải → Quạt hút → khí nóng tận dụng để sấy sau khi hết một chu trình lò để tiếp tục đốt cháy nhiên liệu trong chu trình tiếp theo cân đối lượng nhiên liệu, phối trộn nhiên liệu sao cho lượng than được cháy triệt để (*bố trí hệ thống giám sát không khí buồng lò để đảm bảo giám sát việc cháy triệt để khí thoát ra ngoài được đảm bảo môi trường, cụ thể: Lắp màn hình hiển thị LCD 19 inch, 6 camera, máy quay ổ cứng, hiển thị điểm giám sát không khí trong lò và biểu đồ nhiệt lượng. Cảm biến nhiệt độ tại 32 điểm giám sát*) → Môi trường. Tận dụng khí nóng sau khi hết một chu trình lò để tiếp tục đốt cháy nhiên liệu trong chu trình tiếp theo.

- Xây dựng hệ thống quạt hút, đường ống, ống khói xử lý khí thải: Ống khói tổng có đường kính đáy 1,5m, chiều cao 85m, được làm bằng vật liệu cách nhiệt chống ăn mòn cao;

- Quạt hút khói: công suất 55.000 m³/h.

- Hiệu quả xử lý đạt: QCVN 19-2009/BTNMT cột B.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Luôn dự trữ trong kho của cơ sở đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01/09/2023 đến ngày 15/03/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Vận hành thử nghiệm đối với 01 hệ thống xử lý khí thải.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (*theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Tần suất lấy mẫu trong giai đoạn vận hành ổn định: Thực hiện lấy mẫu đơn 1 lần/ngày (lấy mẫu 3 ngày liên tiếp).

| <i>TT</i> | <i>Vị trí giám sát</i> | <i>Thông số giám sát</i> | <i>Thời gian dự kiến lấy mẫu</i> | <i>Quy chuẩn so sánh</i> |
|-----------|--|---|--|--|
| 1 | 01 vị trí Tại tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải trước khi thải ra ngoài môi trường. | SO ₂ , CO, NO _x (tính theo NO ₂), bụi tổng | - Tiến hành lấy mẫu 1 ngày/lần trong 3 ngày liên tục giai đoạn vận hành ổn định. Thời gian cụ thể như sau: - Lần 1: 13/3/2024 - Lần 2: 14/3/2024 - Lần 3: 15/3/2024 | QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B; Kp = 1; Kv= 1,2) |

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /QĐ-UBND ngày /7/2023 của UBND huyện Lục Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

01 Nguồn phát sinh từ hệ thống máy móc thiết bị trong Nhà máy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn: 01 Nguồn phát sinh từ hệ thống máy móc thiết bị trong xưởng có tọa độ vị trí phát sinh: X = 2358815; Y = 440351 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường: QCVN 26/2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

| TT | Từ 6-21 giờ (dBA) | Từ 21 - 6 giờ (dBA) | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
|----|-------------------|---------------------|----------------------------|--------------------------|
| 1 | 55 | 45 | 06 tháng/lần | Khu vực Nhà máy sản xuất |

+ Độ rung:

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dBA | | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
|----|--|---------------|----------------------------|--------------------------|
| | Từ 6-21 giờ | Từ 21 - 6 giờ | | |
| 1 | 60 | 55 | 06 tháng/lần | Khu vực Nhà máy sản xuất |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Trong quá trình sản xuất, Chủ cơ sở không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu gây tiếng ồn cao nhằm giảm thiểu sự lan truyền của tiếng ồn.

- Thường xuyên thực hiện chế độ bảo dưỡng máy móc thiết bị, lau dầu mỡ để giảm tiếng ồn khi vận hành.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất: Quần áo, khẩu trang, bông bịt tai...

- Không cho xe nổ máy, không bấm còi khi không cần thiết.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /QĐ-UBND ngày /7/2023 của UBND huyện Lục Nam)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

| TT | Tên chất thải | Trạng thái tồn tại | Khối lượng phát sinh (kg/năm) | Mã CTNH | Nguồn phát sinh |
|------------------|--|---------------------------|--------------------------------------|----------------|--------------------------------------|
| 1 | Bóng đèn huỳnh quang hỏng | Rắn | 5 | 16 01 06 | Quá trình chiếu sáng |
| 2 | Pin, ắc quy chì thải | Rắn | 20 | 16 01 12 | Sử dụng máy móc, thiết bị |
| 3 | Dầu thải các loại | Lỏng | 50 | 17 02 03 | Sử dụng máy móc, thiết bị |
| 4 | Bao bì cứng thải bằng nhựa đựng dầu mỡ | Rắn | 30 | 18 01 03 | Sử dụng dầu mỡ cho máy móc, thiết bị |
| 5 | Giẻ lau dính dầu mỡ | Rắn | 20 | 18 02 01 | Sửa chữa máy móc thiết bị |
| Tổng cộng | | | 125 | | |

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Tỷ lệ hỏng khâu phơi đảo mộc và xếp goòng là 5%, tỷ lệ phế phẩm sau khi nung là 3% Định mức cho 1 năm sản xuất với công suất 40 triệu viên/năm tương đương khoảng 43,2 triệu viên mộc, tỷ lệ phế phẩm khâu mộc và phế phẩm sau khi nung là khoảng 8%, lượng chất thải ước tính như sau:

$43,2 \text{ triệu viên mộc /năm} - 40 \text{ triệu viên/năm} = 3,2 \text{ triệu viên/năm} = 3.200.000 \text{ viên/năm.}$

Khối lượng trung bình của 1 viên gạch khoảng 2kg, tổng khối lượng gạch thải hỏng là: $3.200.000 \times 2 = 6.400.000 \text{ kg/năm}$ hay $6.400 \text{ tấn/năm} \approx 4.740 \text{ m}^3/\text{năm}$ (tỷ trọng gạch vỡ là $1,35 \text{ tấn/m}^3$).

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Thành phần rác thải sinh hoạt chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống

bằng nilon, nhựa, thủy tinh... Ước tính khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình khoảng 0,5kg/người/ngày, do đó lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại nhà máy khoảng: 25kg/ngày

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 05 thùng nhựa có nắp đậy dung tích 100 lít.
- Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển chất thải đi xử lý theo quy định, định kỳ 1 năm/lần.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 6,25m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà (bố trí trong nhà xưởng): Kho được quay tròn xung quanh, nền lát xi măng chống thấm, dán biển báo theo quy định. Xung quanh kho chứa được xây rãnh rộng x sâu = 0,2x0,2(m) thu về hố gom kích thước: dài x rộng x sâu = 0,5x0,5x0,5(m). Trong kho có bố trí thùng đựng cát hoặc mùn cưa để dự phòng trường hợp chất thải lỏng đổ, vãi ra nền.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Thu gom toàn bộ chất thải rắn về khu vực tập kết vật liệu của nhà máy. Toàn bộ phế phẩm gạch sẽ được tận dụng để san lấp hoặc tái sử dụng cho sản xuất.

Thường xuyên tiến hành thu gom chất thải rắn sản xuất, không để bừa bãi trên mặt bằng nhà máy.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 6 thùng chứa rác dung tích 100l có nắp đậy để tại khu vực nhà xưởng và khuôn viên của nhà máy để thu gom, lưu giữ tạm thời sau đó hàng ngày sẽ bố trí lao động thu gom về kho chứa

Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt mang đi xử lý theo quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Tần suất 1 tuần/lần.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 6,25m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà (bố trí trong nhà xưởng): Quay tròn, mái lợp tôn, nền lát xi măng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG (KHÔNG CÓ)

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /QĐ-UBND ngày /7/2023 của UBND huyện Lục Nam)

Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện cơ sở. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện cơ sở.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện cơ sở; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở phải dừng ngay hoạt động hoặc giảm công suất của các công đoạn phát sinh chất thải và công trình xử lý chất thải gây ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và báo cáo kịp thời tới UBND huyện Lục Nam, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lục Nam để được hướng dẫn giải quyết.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải của cơ sở để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải của cơ sở để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường./.